

SP9T-10T N 6GHz

大功率型 Normally open



◆ 射频特性

频率范围 (GHz)	插入损耗 (dB)	隔离 (dB)	驻波	承载连续功率 (W)
DC-4	0.3	70	1.3	350
4-6	0.4	70	1.6	300

◆ 工作电压/电流

工作电压 (V)	12	24	28	
电流 (mA)	Normally open	300	150	140

*可根据用户要求选择电压

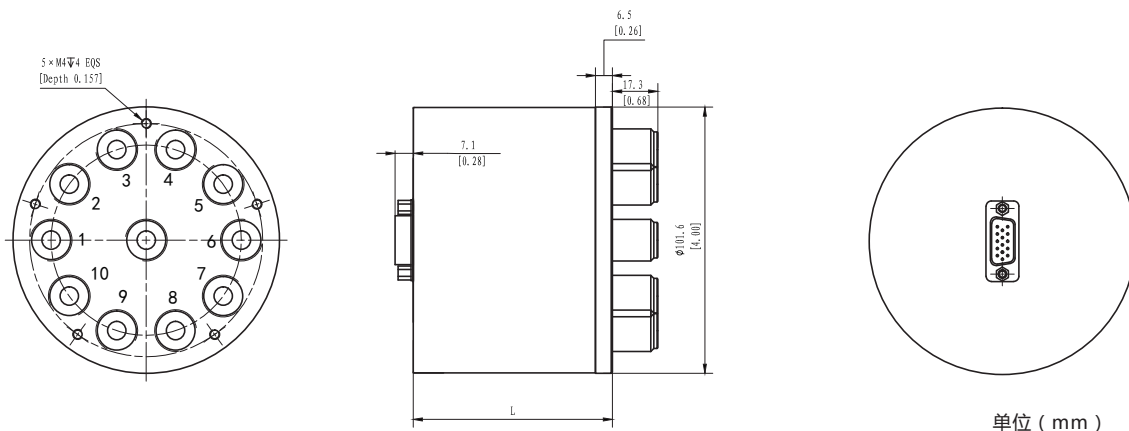
TTL	低电平 (V)	高电平	
	0-0.3	3~5V	1.4mA

*该功能运行前先连接控制端 VDC & GND

◆ 产品特性

- DC至6GHz
- 低驻波, 低损耗, 高隔离
- 连接器形式N Female
- 可选择TTL电平控制

◆ 产品尺寸



L = 76 (非TTL/TTL/指示)

◆ 技术指标

开关顺序: 先断后合

开关速率: $\leq 15\text{ms}$ 储存温度: $-55^{\circ}\text{C} \sim 85^{\circ}\text{C}$

工作温度: $-25^{\circ}\text{C} \sim 65^{\circ}\text{C}$ (标准)
 $-45^{\circ}\text{C} \sim 85^{\circ}\text{C}$ (温度扩展1)
 $-55^{\circ}\text{C} \sim 85^{\circ}\text{C}$ (温度扩展2)

开关寿命: 200万次

射频连接器: N Female

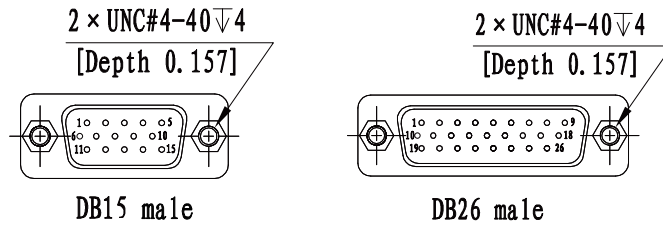
特性阻抗: 50Ω

冲击 (非工作状态): 50G、1/2 Sine、11 ms

振动 (工作状态): 20-2000 Hz、10G RMS

控制接口: D-SUB 15Pin Male

重量: 2010g



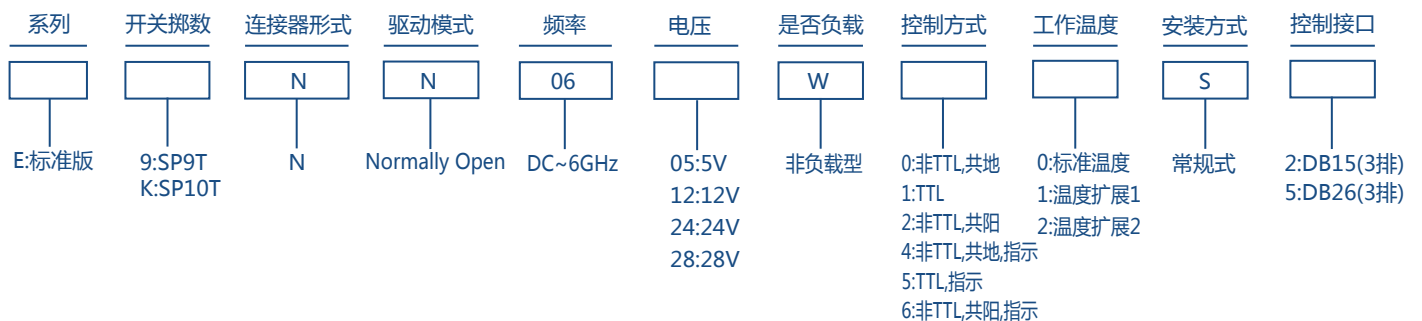
◆ 真值表

* 无指示功能，控制接口DB15 Male。

Normally open 非TTL			
控制接口		射频接口	
D-SUB 15/26Pin Male			
Pin No.	定义	SP7T	SP8T
1	V1	RF 1-0	RF 1-0
2	V2	RF 2-0	RF 2-0
3	V3	RF 3-0	RF 3-0
4	V4	RF 4-0	RF 4-0
5	V5	RF 5-0	RF 5-0
6	V6	RF 6-0	RF 6-0
7	V7	RF 7-0	RF 7-0
8	V8	-	RF 8-0
9	GND	-	-
10	指示1	RF 1-0	RF 1-0
11	指示2	RF 2-0	RF 2-0
12	指示3	RF 3-0	RF 3-0
13	指示4	RF 4-0	RF 4-0
14	指示5	RF 5-0	RF 5-0
15	指示6	RF 6-0	RF 6-0
16	指示7	RF 7-0	RF 7-0
17	指示8	-	RF 8-0
18	指示公共端	-	-
19	VDC	-	-
20~26	N/A	-	-

Normally open TTL			
控制接口		射频接口	
D-SUB 15/26Pin Male			
Pin No.	定义	SP7T	SP8T
1	TTL	RF 1-0	RF 1-0
2	TTL	RF 2-0	RF 2-0
3	TTL	RF 3-0	RF 3-0
4	TTL	RF 4-0	RF 4-0
5	TTL	RF 5-0	RF 5-0
6	TTL	RF 6-0	RF 6-0
7	TTL	RF 7-0	RF 7-0
8	TTL	-	RF 8-0
9	VDC	-	-
10	GND	-	-
11	指示1	RF 1-0	RF 1-0
12	指示2	RF 2-0	RF 2-0
13	指示3	RF 3-0	RF 3-0
14	指示4	RF 4-0	RF 4-0
15	指示5	RF 5-0	RF 5-0
16	指示6	RF 6-0	RF 6-0
17	指示7	RF 7-0	RF 7-0
18	指示8	-	RF 8-0
19	指示公共端	-	-
20~26	N/A	-	-

◆ 产品选型



★ 例：E9NN0612W00S2：标准版、SP9T、N、Normally Open、DC~6GHz、12V、非负载型、非TTL、标准温度、常规式、DB15(3排)。